

Số: 70/BC-BC

Quận 3, ngày 31 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm học 2023 – 2024

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Bàn Cờ

2. Thông tin liên lạc:

- Địa chỉ: Số 16 đường số 3 Cư xá Đô Thành, Phường 04, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 028.38392848

- Trang thông tin điện tử: <https://thcsbanco.hcm.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập

Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng nhà trường: Tổ chức bộ máy nhà trường hoạt động hiệu quả, hướng tới sự phát triển toàn diện của học sinh và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng quản lý và tổ chức dạy học theo yêu cầu đổi mới, phát huy sự sáng tạo, tích cực, chủ động của học sinh và khuyến khích sự nghiên cứu sáng tạo của giáo viên. Chất lượng dạy của giáo viên và học của học sinh được nâng cao qua từng năm học. Hiệu trưởng duy trì mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ với cha mẹ học sinh; lãnh đạo nhà trường phối hợp các đoàn thể, các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục.

- Tầm nhìn của trường: Xây dựng trường THCS Bàn Cờ là một trong những trường tiên tiến. Môi trường học tập thân thiện, nền nếp, kỷ cương, chất lượng để mỗi học sinh đều có nền tảng tri thức phổ thông toàn diện, có nhân cách và trí tuệ thời đại, thích ứng với sự phát triển của xã hội để trở thành những công dân tốt.

- Mục tiêu của nhà trường: Trường đảm bảo việc thực hiện dạy học 02 buổi/ngày cho tất cả học sinh, có tổ chức bán trú cho học sinh 4 khối theo yêu cầu của cha mẹ học sinh; thực hiện chương trình chủ động, đảm bảo thời lượng dạy học và chuẩn kiến thức, kỹ năng. Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên thực hiện dạy học tích hợp, lồng ghép trong các môn học, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm thực tế, hướng nghiệp,... để hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.

- Cán bộ - giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin thường xuyên và đạt hiệu quả trong quản lý và dạy học. Phó hiệu trưởng chuyên môn chỉ đạo giáo viên chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu và tổ chức phụ đạo học sinh yếu kém theo kế hoạch hằng năm (trước mỗi đợt kiểm tra học kỳ).

- Cán bộ quản lý trường chỉ đạo tổ chức các câu lạc bộ điền kinh, thể thao, âm nhạc, mỹ thuật trong nhà trường để học sinh phát triển năng khiếu, rèn luyện sức khỏe và vui chơi bổ ích. Hiệu trưởng thường xuyên tổ chức kiểm kê, sửa chữa, mua sắm bổ sung các thiết bị dạy học và đồ dùng dạy học đảm bảo phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Trung học cơ sở Bàn Cờ được thành lập từ năm 1946, tọa lạc tại địa chỉ số 16, đường số 3, cư xá Đô Thành, Phường 4, Quận 3, một khu vực trọng điểm khu dân cư

đồng đúc, địa bàn Bàn Cờ lịch sử; đồng hành cùng dân tộc trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cũng như trong những năm tháng xây dựng đất nước; trường Trung học cơ sở Bàn Cờ luôn hoàn thành trọng trách nặng nề mà đầy vinh quang của sự nghiệp “trồng người”.

Trong suốt hơn 70 năm ấy, trường trải qua nhiều lần xây dựng, nâng cấp và đến năm 2012, được sự quan tâm của cấp trên, trường đã được trùng tu và xây mới để đáp ứng nhiệm vụ mà ngành giao cho - xây dựng trường chuẩn quốc gia. Với diện mạo mới, trường có tất cả 62 phòng, trong đó có 35 phòng học, 06 phòng học chức năng, phòng thư viện, các phòng làm việc của tất cả các bộ phận trong nhà trường. Các phòng đều sạch sẽ, thoáng mát, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác dạy và học.

Đến tháng 4 năm 2013, Hội đồng Sư phạm trường hân hoan tổ chức Lễ khánh thành công trình nâng cấp và xây dựng mới trường Trung học cơ sở Bàn Cờ. Nhiều năm qua, tập thể cán bộ - giáo viên - nhân viên của trường luôn nỗ lực phấn đấu tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” bằng những việc làm cụ thể gắn với từng nhiệm vụ được giao: Cuộc vận động: “Mỗi thầy giáo, cô giáo là tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo”, tăng cường các hoạt động chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục; Phong trào thi đua “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”; Thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật, giáo dục về an toàn giao thông, công tác an ninh trật tự, an toàn trường học luôn được đảm bảo, nề nếp, kỷ luật nhà trường được giữ vững, cảnh quan sư phạm và môi trường luôn xanh, sạch, đẹp.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Bà: Nguyễn Thị Thanh Tuyền

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Bàn Cờ, Số 16 đường số 3 Cư xá Đô Thành, Phường 04, Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh

- Số điện thoại: 0903678088

- Địa chỉ thư điện tử: nguyentuyen_vn@ymail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Quyết định đổi tên trường: Số 75/QĐ-UBND ngày 15/11/1995 của UBND Quận 3.

- Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường.

- Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;

- Các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính;

- Chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục;

- Kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp (Tự đánh giá)		
			TS	THS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	74		9	53	2	3	7	11	52				
I	Giáo viên	63		9	53	1			11	52				
	Trong đó số giáo viên dạy môn:													
1	Văn	11		4	7				1	10				
2	Toán	12		1	10	1			2	9				
3	Lý	4			4					4				
4	Hóa	3			3					3				
5	Sinh	4			4				1	3				
6	Tiếng Anh	8		2	6				2	6				
7	Sử	3			3					3				
8	Địa	3			3					2				
9	GDCD	3		1	2					3				
10	Tin học	2			2					2				
11	KT nông nghiệp	1			1				1					
12	KT công nghiệp	0			0					0				
13	KT nữ công	1			1				1					
14	Thể dục	4		1	3					4				
15	Nhạc	2			2				1	1				
16	Mỹ thuật	2			2				1	1				
II	Cán bộ quản lý	2		2						2				
1	Hiệu trưởng	1		1						1				
2	Phó hiệu trưởng	1		1						1				
III	Nhân viên	11				1	3	7						
1	Nhân viên văn thư	1					1							
2	Nhân viên kế toán	1				1								
3	Nhân viên y tế kiêm thủ quỹ	1					1							
4	Nhân viên thư viện, thiết bị	1					1							
5	Nhân viên giám thị	1						1						
6	Nhân viên bảo vệ	4						4						
7	Nhân viên phục vụ	2						2						

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp:

- Hiệu trưởng: Phòng Giáo dục đánh giá: Tốt

- Tổng số Giáo viên và Phó Hiệu trưởng: 64 Tốt: 64/64 (100%), Khá: 0

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định:

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 65/65 (100%). Trong đó, BGH: 2; GV:63.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	34	-
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	34	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	3	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	5	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	5.155,9	3,48
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1.000	0,67
VI	Tổng diện tích các phòng	-	-
1	Diện tích phòng học (m ²)	1.904	1,2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	488	3,6
3	Diện tích thư viện (m ²)	206	4,5
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	-	
5	<i>Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m²)</i>	48	1,06
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	6	2
1.2	Khối lớp 7	3	2
1.3	Khối lớp 8	4	2

1.4	Khối lớp 9	1	2
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		1
2.2	Khối lớp 7		1
2.3	Khối lớp 8		1
2.4	Khối lớp 9		1
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	90	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	45	1,32
2	Cát xét	34	1
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	34	1
5	Thiết bị khác (bảng tương tác)	3	0,08
IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	26	0,76
2	Cát xét	35	1,03
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	0
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	28	0,82
5	Thiết bị khác (bảng tương tác)	3	0,08

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	19		
XIII	Khu nội trú	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6	0	14	0	0,19
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Việc tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục là điều cần thiết của các trường học nhằm không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục. Theo chỉ đạo của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 3, Trường Trung học cơ sở Bàn Cờ đã tổ chức thực hiện việc báo cáo tự đánh giá tại đơn vị. Kết quả tự đánh giá của nhà trường như sau:

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	-
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x		-

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.8		x	x	-
Tiêu chí 1.9		x	x	-
Tiêu chí 1.10		x	x	-
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x		
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	-
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	-
Tiêu chí 5.4		x	x	-
Tiêu chí 5.5		x	x	
Tiêu chí 5.6		x	x	

Báo cáo tự đánh giá của Trường Trung học cơ sở Bàn Cờ được hoàn thành phản ánh kết quả toàn diện các mặt hoạt động của nhà trường, giúp nhà trường đánh giá công tác quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục. Trên cơ sở tự đánh giá chất lượng giáo

dục, báo cáo này sẽ được sử dụng như một công cụ để cải tiến và nâng cao chất lượng quản lý và giáo dục của nhà trường.

- Số lượng tiêu chí đạt Mức 1: 28/28 tỉ lệ: 100 %
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/28 tỉ lệ: 0 %
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 27/28 tỉ lệ: 96.4 %
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 01/28 tỉ lệ: 3.6 %
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 02/20 tỉ lệ: 10 %
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 18/20 tỉ lệ: 90 %
- Mức đánh giá của Trường Trung học cơ sở Bàn Cờ Mức 1.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

a. Kế hoạch hoạt động giáo dục năm học 2024 – 2025:

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Điều kiện tuyển sinh	- Học sinh lớp 5 các trường tiểu học trong quận 3 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học theo phân tuyến của Quận có hồ sơ hợp lệ và tuổi của học sinh vào học lớp 6 là 11 tuổi (theo giấy khai sinh hợp lệ). - Học sinh lớp 5 các trường tiểu học ngoài quận 3 đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học có hồ sơ hợp lệ, có cha, mẹ đang công tác tại Quận 3, có nơi ở gần trường (nếu trường còn chỉ tiêu tuyển sinh).			
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Kết quả rèn luyện và kết quả học tập năm học trước đạt từ Khá trở lên. - Có hộ khẩu thường trú hoặc KT3 ở gần trường hoặc có cha mẹ là công chức, viên chức đang công tác tại các cơ quan nhà nước, quân đội, công an trên địa bàn quận 3 hoặc cha mẹ có công đóng góp xây dựng quận 3, xây dựng sự nghiệp giáo dục. - Trường còn khả năng tiếp nhận học sinh.			
		- Giáo dục quốc dân Trung học cơ sở (Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo). - Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. - Kế hoạch giáo dục theo Chương trình nhà trường.			

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Gia đình phải quan tâm, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh. - Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập. Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng học được ở nhà trường, trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hằng ngày. - Tham gia công việc lao động trong gia đình theo yêu cầu thực tế, phù hợp với khả năng và điều kiện của bản thân. - Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân. Tôn trọng lễ phải, công bằng trong nhận thức, ứng xử. Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng. - Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống. Biết làm chủ tình cảm, cảm xúc để có hành vi phù hợp trong học tập và đời sống; không đua đòi, lãng phí, không cổ vũ hoặc làm những việc xấu.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Có các phòng bộ môn, phòng chức năng đáp ứng việc dạy – học. - Sân chơi đảm bảo cho các hoạt động TDTT, hoạt động ngoài trời. - Tổ chức các hoạt động ngoại khóa gắn liền với việc phát triển năng khiếu, rèn kỹ năng sống, công tác giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh. Xây dựng văn hóa ứng xử phù hợp tại trường học và trên không gian mạng cho học sinh.			
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Kết quả rèn luyện xếp loại Đạt trở lên là 99%. - Kết quả học tập xếp loại Đạt trở lên là 95%. - Sức khỏe học sinh: 100% phát triển bình thường. - Phát triển các phẩm chất và năng lực theo chương trình GDPT. - Không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, tai nạn thương tích tại trường.			- Tốt nghiệp THCS đạt 99%. - Phần đầu tỉ lệ học sinh lớp 9 vào lớp 10 THPT công lập trên 85%.
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Hoàn tất chương trình lớp 6 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 7 là 96%.	- Hoàn tất chương trình lớp 7 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8 đạt 96%.	- Hoàn tất chương trình lớp 8 và đủ khả năng tiếp tục học tập ở lớp 8 đạt 94%.	- Hoàn tất chương trình THCS đạt 99%. - Đủ khả năng học tập tiếp ở các trường Trung học phổ thông và các trường Trung cấp, Cao đẳng nghề là 99%.

b. Kết quả giáo dục năm học 2023 – 2024:

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1267	363	351	228	325
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1132 (89,34)	333 (91,74)	298 (84,90)	185 (86,61)	316 (97,23)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	130 (10,26)	29 (7,99)	52 (14,81)	40 (17,54)	9 (2,77)
3	Đạt/ Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	5 (0,53)	1 (0,28)	1 (0,28)	3 (1,32)	
4	Yếu/ Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)					
II	Số học sinh chia theo học lực	1267	363	351	228	325
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	349 (27,55)	92 (25,34)	81 (23,08)	51 (22,37)	125 (38,46)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	469 (37,02)	139 (38,29)	147 (41,88)	74 (32,46)	109 (33,54)
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	382 (30,15)	104 (28,65)	101 (28,77)	87 (38,16)	90 (27,69)
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	67 (5,29)	28 (7,71)	22 (6,27)	16 (7,02)	1 (0,31)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1267	363	351	228	325
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1244 (98,18)	335 (97,80)	346 (98,58)	218 (95,61)	325 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	125 (38,46)	92 (25,34)	81 (23,08)	51 (22,37)	125 (38,46)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	109 (33,54)				109 (33,54)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	66 (5,21)	28 (7,71)	22 (6,27)	16 (7,02)	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	23 (1,81)	8 (0,63)	5 (0,40)	10 (0,79)	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	24/43 (1,89/3,39)	3/16 (0,23/1,26)	10/7 (0,79/0,55)	5/15 (0,39/1,18)	6/5 (0,47/0,39)
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	6				6
1	Cấp huyện	6				6
2	Cấp tỉnh/thành phố	4				4
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	325				325
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	325				325
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	125 (38,46)				125 (38,46)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	109 (33,54)				109 (33,54)
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	90 (27,69)				91 (28,00)
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	659/608	191/172	181/170	109/119	178/147
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	73	14	14	17	28

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 ĐƠN VỊ: TRƯỜNG THCS BÀN CỜ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Nội dung	Mã số	Số báo cáo	Số đối chiếu, kiểm tra	Chênh lệch
A	B	C	1	2	3=2-1
I	Hoạt động hành chính, sự nghiệp				
1	Doanh thu (01=02+03+04)	01	16.944.193.602	16.944.193.602	0
	a. Từ NSNN cấp	02	16.944.193.602	16.944.193.602	0
	b. Từ nguồn viện trợ, vay nợ	03			

	nước ngoài				
	c. Từ nguồn phí được khấu trừ, để lại	04			
2	Chi phí (05=06+07+08)	05	16.878.000.000	16.878.000.000	0
	a. Chi phí hoạt động	06	16.878.000.000	16.878.000.000	0
	b. Chi phí từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài	07			
	c. Chi phí hoạt động thu phí	08			
3	Thặng dư/thâm hụt (09= 01-05)	09	66.193.602	66.193.602	0
II	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ				
1	Doanh thu	10	4.984.072.307	4.984.072.307	0
2	Chi phí	11	4.514.268.090	4.514.268.090	0
3	Thặng dư/thâm hụt (12=10-11)	12	598.165.713	598.165.713	0
III	Hoạt động tài chính				
1	Doanh thu	20		0	0
2	Chi phí	21		0	
3	Thặng dư/thâm hụt (22=20-21)	22	0	0	0
IV	Hoạt động khác				
1	Thu nhập khác	30	0	0	
2	Chi phí khác	31			
3	Thặng dư/thâm hụt (32=30-31)	32	0	0	
V	Chi phí thuế TNDN	40	88.743.088	88.743.088	0
VI	Thặng dư/thâm hụt trong năm (50=09+12+22+32-40)	50	598.165.713	598.165.713	0
1	Sử dụng kinh phí tiết kiệm của đơn vị hành chính	51			
2	Phân phối cho các quỹ	52	500.534.913	500.534.913	0
3	Kinh phí cải cách tiền lương	53	97.630.800	97.630.800	0

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Đề án Nâng cao năng lực, kỹ năng ứng dụng Tin học cho học sinh phổ thông; Tiếng Anh với người nước ngoài; Kỹ năng sống, Stem trong năm học 2023-2024.

1. Tin học:

Tin học Quốc tế: dạy học chương trình IC3 quốc tế cho học sinh khối 6 và khối 7 (19/19 lớp) bởi hình thức phối hợp thực hiện giữa nhà trường với Chi nhánh Công ty Cổ phần IIG Việt Nam.

2. Tổ chức hoạt động dạy học tiếng Anh với người nước ngoài:

Hình thức phối hợp thực hiện giữa nhà trường với Công ty TNHH Anh Ngữ ALS để triển khai tổ chức hoạt động dạy học tiếng Anh với người nước ngoài cho học sinh.

Nhằm mục đích giáo dục toàn diện cho học sinh và đa dạng hóa các loại hình đa dạng hóa giáo dục, đẩy mạnh công tác giáo dục giúp học sinh bồi dưỡng và nâng cao kiến thức tiếng Anh, góp phần thực hiện mục tiêu chương trình, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ của học sinh phổ thông Thành phố Hồ Chí Minh qua hai môn mũi nhọn là Tiếng Anh và Tin Học.

3. Dạy Kỹ Năng sống:

Hình thức phối hợp thực hiện giữa nhà trường với Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Quốc tế GAIA – Chi nhánh số 1 tại TP.HCM để triển khai chương trình hợp tác giáo dục Kỹ năng sống ngoài giờ chính khóa cho học sinh.

4. Dạy Stem:

Hình thức phối hợp thực hiện giữa nhà trường với Công ty Cổ phần công nghệ và đào tạo Việt Nam để triển khai chương trình hợp tác giáo dục STEM ngoài giờ chính khóa cho học sinh.

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT: để báo cáo;
- Trang thông tin trường
- Công khai Phòng giáo viên;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Tuyền